TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/9/2021.
V/v: "Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thăng Long

Bà Trịnh Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc " Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Hùng Thắng – Luật sư thuộc Công ty Luật Thắng Hoàng Gia – Đoàn luật sư Thanh Hóa. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Phạm Bá H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn - Bà Cao Thị T trình bày:***

Bà và ông Phạm Bá H kết hôn với nhau và được UBND xã Ph cấp đăng ký kết hôn ngày 04/01/1986.

Vợ chồng bà tạo lập được tài sản chung là quyền sử đụng dất thổ cư tại Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa với diện tích khoảng 2.699,6m^2. Lô đất thổ cư của vợ chồng được ghi nhận tại số thửa 185, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996 tổng diện tích 2.213m^2 trong đó đất ở là 213m^2 đất vườn là 2.000m^2 và được ghi nhận tại số thửa 171 tờ bản đồ số 60 Bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2015 với diện tích 2.699,6m^2 loại đất ở nông thôn đứng tên ông Phạm Bá H. Toàn bộ lô đất trên được gia đình bà sử dụng ổn định, có khuôn viên riêng, phù hợp với quy hoạch, hàng năm thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ cho nhà nước.

Ngày 13/12/2006 vợ chồng bà đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 533508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 01457 một phần lô đất nêu trên với diện tích 250m^2 loại đất ở. Phần diện tích đất thổ cư còn lại của vợ chồng bà khoảng 2.449,6m^2 (cùng thửa đất, cùng khuôn viên với diện tích đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do vợ chồng bà quản lý, sử dụng.

Nay, bà có nguyện vọng được chia toàn bộ diện tích đất chung vợ chồng cho bà theo quy định pháp luật để bà chủ động trong việc định đoạt tài sản của mình nhưng ông Phạm Bá H không đồng ý.

Vì vậy, bà đề nghị TAND huyện Hoằng Hóa giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng bà, cụ thể:

- Công nhận khối tài sản chung của Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bá H là quyền sử dụng lô đất thổ cư với diện tích khoảng 2.699,6m^2(trong đó phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 250m^2, phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thửa đất, cùng khuôn viên là 2.449,6m^2 tại thửa 185 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996 tại địa chỉ thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- Chia cho Bà Cao Thị T được hưởng ½ tài sản bằng quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể là chia cho bà khoảng 1.334,6m^2 (trong đó đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 125m^2, phần đất thổ cư chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.209,8 m^2).

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết tại tòa án, ông Phạm Bá H trình bày:

Ông và Bà Cao Thị T kết hôn với nhau và được UBND xã Ph cấp đăng ký kết hôn ngày 04/01/1986.

Vợ chồng ông tạo lập được tài sản chung là quyền sử đụng dất thổ cư tại Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa với diện tích khoảng 2.699,6m^2. Lô đất thổ cư của vợ chồng được ghi nhận tại số thửa 185, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996 tổng diện tích 2.213m^2 trong đó đất ở là 213m^2 đất vườn là 2.000m^2 và được ghi nhận tại số thửa 171 tờ bản đồ số 60 Bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2015 với diện tích 2.699,6m^2 loại đất ở nông thôn đứng tên ông Phạm Bá H. Toàn bộ lô đất trên được gia đình ông sử dụng ổn định, có khuôn viên riêng, phù hợp với quy hoạch, hàng năm thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ cho nhà nước.

Ngày 13/12/2006 vợ chồng ông đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 533508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 01457 một phần lô đất nêu trên với diện tích 250m^2 loại đất ở. Phần diện tích đất thổ cư còn lại của vợ chồng ông khoảng 2.449,6m^2 (cùng thửa đất, cùng khuôn viên với diện tích đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do vợ chồng ông quản lý, sử dụng.

Quá trình giải quyết tại tòa án, quan điểm của ông về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông công nhận khối tài sản chung của Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bá H là quyền sử dụng lô đất thổ cư với diện tích khoảng 2.699,6m^2 (trong đó phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 250m^2, phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thửa đất, cùng khuôn viên là 2.449,6m^2) tại thửa 185 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996 tại địa chỉ thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Ông không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của Bà Cao Thị T và đề nghị được hòa giải theo hướng công nhận cho vợ chồng ông đồng sở hữu chung đối với thửa đất nêu trên.

*** Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:**

- Theo kết quả thẩm định tại chỗ thì diện tích đất hiện nay ông Phạm Bá H và Bà Cao Thị T đang sử dụng là 2699,6 m^2

+ Phía Đông giáp bờ đồng vụng ngân sách xã (cũ) dài: 2,1m + 3,24m + 62,79m

+ Phía Tây giáp đường liên xóm dài: 56,34m

+ Phía Bắc giáp đường liên xóm dài: 1,12m + 34,53m +4,55m

+ Phía Nam giáp đường liên xóm dài 41,06m + 3,26m.

Trên đất có 02 ngôi nhà gồm: Nhà ở số 1: tổng diện tích sàn là 73,2m^2, nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch 220 chịu lực, xây dựng khoảng năm 1997 và nhà ở số 02: tổng diện tích sàn 44,0m^2 đất, loại nhà cấp 4, kết cấu tường gạch không nung, năm xây dựng khoản 2010.

- Về giá trị tài sản: Các đương sự thống nhất không đề nghị Tòa án tiến hành định giá tài sản tranh chấp, mà thống nhất về giá đối với tài sản tranh chấp, cụ thể: giá đất hiện nay đang tranh chấp là:

+ Đất ở: đơn giá là 600.000đ/m^2 đất ở, giá trị đất là 600.000đ/m^2 x 250m^2 = 150.000.000đ

+ Đất trồng cây lâu năm: đơn giá là 27.000đ/m^2 giá trị đất là 27.000đ/m^2 x 2449,6m^2 = 66.139.200đ.

+ Về nhà ở, các đương sự thống nhất với nhau giá trị nhà ở là 100.000.000đ

+ Các tài sản khác trên đất: Do không có giá trị nên các bên đương sự thống nhất đề nghị không cần định giá tài sản

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng bà Tám và ông Hiệp là 316.139.200đ

*** Tại phiên tòa:**

Bà Cao Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đề nghị tòa án phân chia tài sản trên đất, phần đất chia cho ai có tài sản gì thì người đó được hưởng.

Ông Phạm Bá H đồng ý với yêu cầu của Bà Cao Thị T về tài sản chung của vợ chồng, nhưng ông đồng ý cho bà Tám toàn bộ phần tài sản của ông trong khối tài sản chung đó. Đề nghị Tòa án chấp nhận và giao cho Bà Cao Thị T toàn bộ phần tài sản đó.

Các đương sự thống nhất với kết quả thẩm định và định giá tài sản, không yêu cầu thẩm định, định giá lại.

*** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận sự tự nguyện giao cho Bà Cao Thị T lại toàn bộ tài sản của ông Phạm Bá H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông Phạm Bá H hiện nay đang là vợ chồng hợp pháp là tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện:

Bà Cao Thị T và ông Phạm Bá H kết hôn với nhau và được UBND xã Ph cấp đăng ký kết hôn ngày 04/01/1986.

Bà Cao Thị T nại rằng trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Phạm Bá H đã tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thổ cư tại thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 2.699,6m^2. Năm 2006 ông bà đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 533508 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H 01457 đối với 1 phần có diện tích 250m^2 đất ở của thửa đất đang sử dụng. Phần diện tích còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà vẫn quản lý sử dụng đến nay.

Do vậy bà đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông bà và đề nghị chia cho bà ½ khối tài sản đó.

Ông Phạm Bá H công nhận khối tài sản chung ông bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân như Bà Cao Thị T trình bày. Ông tự nguyện cho bà Tám toàn bộ tài sản của ông trong khối tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng diện tích đất 2699,6m^2 tại thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

[2.1] Xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Hồ sơ 299/TTg xã Ph, lập năm 1988, mảnh đất đó thuộc thửa số 158 tờ bản đồ số 05, diện tích nguyên thửa 96.000m^2, chủ sử dụng:

xã Ph, loại đất: Bãi cát có phi lao. Hồ sơ địa chính năm 1996: Toàn bộ diện tích đất thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 19 (E_48_08_237_f), bản đồ địa chính xã Ph, diện tích 2.213,0m^2, chủ sử dụng: Phạm Bá H, loại đất: T. Tương ứng tại hồ sơ địa chính năm 2014: Thuộc thửa đất số 171, tờ số 60, bản đồ địa chính xã Ph, diện tích 2.699,6m^2; chủ sử dụng Phạm Bá H; loại đất ONT + CLN. Ngày 13/12/2006 UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri AH 533508 cấp ngày 13/12/2006 đối với thửa đất số 185 tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996 diện tích 250,0m^2; mục đích sử dụng: đất ở nông thôn; chủ sử dụng: Phạm Bá H – Cao Thị Tám.

Theo trình bày của các bên đương sự: Năm 1989 hộ ông Phạm Bá H và Bà Cao Thị T đã khai hoang thửa đất nói trên, gia đình ông bà đã làm nhà ở và xây tường rào bao quanh toàn bộ thửa đất, sử dụng ổn định từ đó đến nay, không lấn chiếm, không tranh chấp với ai. Năm 2006 UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở 250m^2, phần đất cây lâu năm còn lại trong toàn bộ diện tích đất ông bà sử dụng nói trên đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phù hợp với xác nhận của UBND xã Ph và phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện H. Đủ cơ sở khẳng định Bà Cao Thị T và ông Phạm Bá H đã khai hoang toàn bộ phần diện tích đất nêu trên, sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp và không lấn chiếm từ thời điểm ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993, được ghi nhận trong hồ sơ địa chính năm 1996 và năm 2014, thuộc trường hợp đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Diện tích đất trong hồ sơ địa chính các thời kỳ không thống nhất do sai số khi thực hiện đo đạc và diện tích thực tế hiện nay ông bà đang sử dụng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 11/6/2021 là 2.699,6m^2 và hộ ông Hiệp bà Tám sử dụng đã xây tường rào kiên cố bao quanh.

Do vậy, xác định toàn bộ diện tích đất 2.699,6m^2 hiện nay vợ chồng bà Tám và ông Hiệp đang sử dụng tại thửa số 171, tờ số 60, bản đồ địa chính xã Ph năm 2014 là tài sản chung hợp pháp của Bà Cao Thị T và ông Phạm Bá H theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:

Bà Cao Thị T đề nghị chia khối tài sản chung của vợ chồng theo hướng: mỗi người được hưởng quyền sử dụng đối với ½ diện tích đất, bà không đề nghị

chia tài sản có trên đất, yêu cầu này của bà là phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như công sức của bà và ông Hiệp đối với khối tài sản chung này.

Hiện trạng khối tài sản chung của Bà Cao Thị T và ông Phạm Bá H có tổng diện tích 2699,6m^2 trong đó có 250m^2 đất ở và 2149,6m^2 đất trồng cây lâu năm cùng thửa với đất ở. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2006 không có sơ đồ thể hiện phần diện tích đất ở nằm tại vị trí nào, nhưng UBND xã Ph và phòng Tài nguyên Môi trường UBND huyện H đã xác định vị trí đất ở tại khu vực có nhà ở. Chia tài sản là quyền sử dụng đất của bà Tám và ông Hiệp mỗi người hưởng ½ khối tài sản chung trong đó chia đều phần đất trồng cây lâu năm và đất ở cho mỗi người.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Hiệp tự nguyện cho Bà Cao Thị T toàn bộ tài sản của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng. Bà Tám đồng ý nhận phần tài sản đó của ông Hiệp và tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm trên khối tài sản được giao. Xét thấy sự tự nguyện của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần xem xét chấp nhận.

Giao cho Bà Cao Thị T được hưởng 2.699,6m^2 đất trong đó có 250m^2 đất ở và 2.449,6m^2 đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 171, tờ số 60, bản đồ địa chính xã Ph năm 2014; có tứ cận: Phía Đông giáp bờ đồng vụng ngân sách xã (cũ) dài: 2,1m + 3,24m + 62,79m; Phía Tây giáp đường liên xóm dài: 56,34m; Phía Bắc giáp đường liên xóm dài: 1,12m + 34,53m +4,55m; Phía Nam giáp đường liên xóm dài 41,06m + 3,26m.

Quá trình giải quyết tại tòa án, các bên đương sự đều đề nghị Tòa án không tiến hành định giá đối với khối tài sản chung, bà Tám và ông Hiệp tự thỏa thuận với nhau về việc xác định giá trị của khối tài sản chung đó gồm quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất. Tổng giá trị được xác định là 316.139.200 đồng.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này và cần sử dụng giá trị tài sản này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá: Toàn bộ chi phí định giá, thẩm định, bà Tám tự nguyện chịu và đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí: Bà Tám phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng giá trị tài sản được chia. Bà Tám phải chịu: 15.806.000đ (làm tròn) án phí sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 213, Điều 219, Điều 220 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 33, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b, tiểu mục 1.3 mục 1, phần II danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Thị T, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:

- Xác định tài sản chung hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng Bà Cao Thị T và ông Phạm Bá H là quyền sử dụng 2,699,6m^2 đất trong đó 250m^2 đất ở và 2.449,6 m^2 đất trồng cây lâu năm cùng với nhà ở và toàn bộ tài sản trên đất tại thôn Tân Xuân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thuộc thửa đất số 71, tờ số 60, bản đồ địa chính xã Ph năm 2014. Thời gian hình thành và sử dụng đất từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993

- Ông H tự nguyện cho bà T toàn bộ tài sản của ông trong khối tài sản chung của vợ chồng

Tổng diện tích đất Bà Cao Thị T được sử dụng hợp pháp và được quyền yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có sơ đồ kèm theo) là 2.699,6 m^2 đất trong đó có 250m^2 đất ở và 2.449,6 m^2 đất trồng cây lâu năm cùng với nhà ở và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 171, tờ số 60, bản đồ địa chính xã Ph năm 2014; có tứ cận:

+ Phía Đông giáp bờ đồng vụng ngân sách xã (cũ) dài: 2,1m + 3,24m + 62,79m

+ Phía Tây giáp đường liên xóm dài: 56,34m

+ Phía Bắc giáp đường liên xóm dài: 1,12m + 34,53m +4,55m

+ Phía Nam giáp đường liên xóm dài 41,06m + 3,26m.

Bà Cao Thị T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật về đất đai.

Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu: 15.806.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0010393 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, bà còn phải nộp 10.806.000đ (Mười triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng);

Về quyền kháng cáo: Ông H, bà T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã Ph
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Thị Hoa